

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

**THÔNG TƯ**  
**Hướng dẫn về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án**  
**sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)**  
**và vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ**

*Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH12 ngày 17/6/2009;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính Đối ngoại;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;*

## **Chương I** **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (vốn ODA) và vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ quy định tại Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ.

2. Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi có đặc thù riêng, tùy theo yêu cầu quản lý, Bộ Tài chính hoặc liên Bộ Tài chính, Bộ chủ quản sẽ ban hành hướng dẫn cho từng chương trình, dự án cụ thể.

3. Các khoản vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh, được điều chỉnh theo các quy định tại Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16/02/2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn Nghị định này, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

4. Các khoản ODA viện trợ không hoàn lại được giải ngân riêng cho các tiểu dự án/hợp phần độc lập thuộc một chương trình, dự án sử dụng vốn ODA vay và vốn vay ưu đãi, được điều chỉnh theo quy định tại Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư này, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

5. Trong trường hợp các quy định về quản lý tài chính tại Thông tư này có sự khác biệt với các Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi thì áp dụng theo các quy định của Điều ước quốc tế đó.

6. Các từ ngữ sử dụng trong Thông tư này có ý nghĩa như đã được quy định tại Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng Thông tư này là các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao trách nhiệm hoặc có liên quan đến việc quản lý, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ.

## Chương II CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

**Điều 3. Cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với các chương trình, dự án thuộc Danh mục tài trợ từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ**

1. Nguyên tắc xác định cơ chế tài chính (cấp phát, cho vay lại)

a) Cấp phát từ ngân sách nhà nước từ nguồn vốn ODA và vay ưu đãi của Chính phủ cho chương trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội và chương trình, dự án thuộc các lĩnh vực khác không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Cho vay lại toàn bộ hoặc một phần từ nguồn vốn ODA và vay ưu đãi của Chính phủ cho chương trình, dự án đầu tư có khả năng thu hồi toàn bộ hoặc một phần vốn ODA và vay ưu đãi, bao gồm cả dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các chương trình, dự án không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước; các chương trình, dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản thuộc đối tượng phải vay lại vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ.

c) Trường hợp trong dự thảo Điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi với các nhà tài trợ có các quy định khác đi về cơ chế tài chính áp dụng đối với chương trình, dự án, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan chủ trì đàm phán báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định.

2. Quy trình xác định cơ chế tài chính trong nước đối với các chương trình, dự án thuộc Danh mục tài trợ từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ

a) Cơ quan chủ quản và chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ xây dựng Đề cương chương trình, dự án, theo mẫu Đề cương chương trình, dự án quy định tại Điều 16 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi.

Đề cương chương trình, dự án phải bao gồm nội dung về tổng mức vốn ODA, vay ưu đãi và vốn đối ứng đối với chương trình dự án, kèm theo phương

án sử dụng và hoàn trả vốn vay và kiến nghị cơ chế tài chính trong nước đối với dự án đầu tư, được xác định theo các nguyên tắc quy định ở khoản 1 Điều này.

Bộ Tài chính có ý kiến về nguyên tắc đối với kiến nghị về cơ chế tài chính trong nước kiến nghị trong Đề cương của chương trình, dự án nói trên gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với Danh mục tài trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ) hoặc gửi cơ quan chủ quản (đối với Danh mục tài trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản).

Trên cơ sở ý kiến nguyên tắc của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vay ưu đãi, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục tài trợ (đối với Danh mục tài trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ), hoặc cơ quan chủ quản xem xét quyết định phê duyệt Danh mục tài trợ (đối với Danh mục tài trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản).

b) Trường hợp trong giai đoạn xây dựng và phê duyệt Danh mục tài trợ nêu tại điểm a) trên, nếu chưa có đủ cơ sở và thông tin chi tiết để đề xuất cơ chế tài chính cụ thể đối với dự án, cơ quan chủ quản và chủ dự án phải tiếp tục nghiên cứu và đề xuất cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án trong giai đoạn lập và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo đầu tư dự án.

c) Trường hợp trong quá trình đàm phán Hiệp định vay phát sinh các nội dung mới chưa được xác định cơ chế tài chính trong giai đoạn lập và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo đầu tư dự án, hoặc phát sinh các yếu tố khách quan khác đòi hỏi phải bổ sung, sửa đổi cơ chế tài chính trong Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo đầu tư dự án được duyệt, Cơ quan chủ quản và chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính để xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cơ chế tài chính trong nước áp dụng chính thức đối với chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi, trước khi Hiệp định vay/Thỏa thuận tài trợ được ký kết và có hiệu lực.

3. Xác định điều kiện cho vay lại cụ thể đối với các chương trình, dự án thuộc Danh mục tài trợ áp dụng cơ chế cho vay lại nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ

a) Căn cứ vào kết quả thẩm định phương án tài chính của chương trình, dự án cho vay lại và kết quả thẩm định về năng lực tài chính của chủ dự án của Cơ quan cho vay lại, Bộ Tài chính áp dụng các điều khoản và điều kiện cho vay lại cụ thể quy định tại Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ đối với các chương trình, dự án cho vay lại.



b) Trong các trường hợp đặc biệt, kể cả trường hợp bên cho vay nước ngoài yêu cầu áp dụng các điều khoản và điều kiện cho vay lại khác với quy định của Nghị định số 78/2010/NĐ-CP, Bộ Tài chính chủ trì nghiên cứu, xin ý kiến của các cơ quan liên quan để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định từng trường hợp cụ thể.

c) Bộ Tài chính hoặc Cơ quan cho vay lại được Bộ Tài chính ủy quyền ký kết các Thỏa thuận cho vay lại/Hiệp định vay phụ với Chủ dự án, căn cứ vào các điều khoản và điều kiện cho vay lại cụ thể nêu tại các điểm a) và b) Khoản 3 Điều này.

#### **Điều 4. Cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án của các địa phương**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được vay lại nguồn vốn ODA, vay ưu đãi của Chính phủ để thực hiện:

a) Các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương;

b) Các tiểu hợp phần có khả năng thu hồi vốn thuộc các chương trình, dự án ô do các tổ chức, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được vay lại vốn ODA và vốn vay ưu đãi khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Được cấp có thẩm quyền cho phép vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

b) Có dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Ngân sách địa phương bảo đảm trả được nợ.

3. Cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ cho các địa phương như sau:

a) Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội và các dự án thuộc lĩnh vực khác không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp và là đối tượng chi của ngân sách nhà nước.

b) Cho vay lại toàn bộ hoặc một phần từ nguồn vốn ODA của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương đã hoàn thành thủ tục đầu tư và ngân sách địa phương bảo đảm trả được nợ.

c) Căn cứ vào quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý nợ công, khả năng cân đối trả nợ của ngân sách địa phương và khả năng hoàn vốn của dự án, Bộ Tài chính thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ cấp phát/cho vay lại cụ thể áp dụng đối với chương trình, dự án trong giai đoạn lập và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo đầu tư dự án.

4. Bộ Tài chính thẩm định khả năng trả nợ của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ chế tài chính trong nước áp dụng cho từng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các địa phương.

#### **Điều 5. Cho các tổ chức tài chính, tín dụng vay lại theo chương trình, hạn mức tín dụng**

1. Điều kiện được vay lại đối với các tổ chức tài chính, tín dụng:

a) Có chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng vốn vay và được bên cho vay nước ngoài chấp thuận;

b) Bảo đảm khả năng trả nợ theo phương án tài chính được thẩm định theo quy định của pháp luật.

2. Lãi suất cho vay từ Bộ Tài chính đến các tổ chức tài chính, tín dụng tham gia chương trình, hạn mức tín dụng (lãi suất đầu vào) được xác định theo từng trường hợp cụ thể như sau:

a) Trường hợp chương trình, hạn mức tín dụng nhằm cung cấp tín dụng cho các chương trình, dự án nằm trong Danh mục tài trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản:

- Bộ Tài chính cho các tổ chức tài chính, tín dụng vay bằng Đồng Việt Nam theo mức lãi suất huy động bình quân gia quyền của hệ thống ngân hàng trong nước do Ngân hàng Nhà nước thông báo (lãi suất chuyển vốn). Trường hợp mức lãi suất trên thị trường có biến động phức tạp, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước quyết định mức lãi suất chuyển vốn. Trường hợp không có sự thống nhất giữa hai cơ quan, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định

- Các tổ chức tài chính, tín dụng chịu trách nhiệm thẩm định dự án và chọn đối tượng cho vay phù hợp với chương trình, hạn mức tín dụng đã thỏa thuận với nhà tài trợ, được tự quyết định mức lãi suất cho vay lại đối với dự án nhưng phải đảm bảo lãi suất cho vay lại đối với người vay cuối cùng tối đa bằng lãi suất cho vay thị trường và chịu mọi rủi ro phát sinh từ việc cho vay lại.

b) Đối với chương trình, hạn mức tín dụng nhằm cho vay đối với các dự án thuộc một số ngành, lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ:

- Bộ Tài chính cho các tổ chức tài chính, tín dụng vay lại theo đúng các điều kiện cho vay của nước ngoài (lãi suất, phí vay nước ngoài, thời gian vay, thời gian ân hạn...). Các tổ chức tài chính, tín dụng phải trả phí cho vay lại cho Bộ Tài chính theo quy định hiện hành.

- Các tổ chức tài chính, tín dụng cho vay tới người vay lại cuối cùng theo lãi suất vay của Bộ Tài chính, cộng với mức phí dịch vụ và mức dự phòng rủi ro tín dụng bắt buộc theo quy định của tổ chức tài chính, tín dụng. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan xác định mức phí dịch vụ và mức dự phòng rủi ro tín dụng tối đa mà tổ chức tài chính, tín dụng được phép thu đối với từng chương trình, hạn mức tín dụng cụ thể, đảm bảo mức lãi suất cho vay đến người vay lại cuối cùng ưu đãi hơn so với thị trường. Các tổ chức tài chính, tín dụng chịu trách nhiệm thẩm định và lựa chọn các dự án cho vay lại và chịu mọi rủi ro tín dụng.

c) Đối với chương trình, hạn mức tín dụng nhằm cấp tín dụng ưu đãi cho các đối tượng chính sách (cho vay hộ nghèo, hộ trồng rừng, sinh viên học sinh...) trong các chương trình xóa đói giảm nghèo và an sinh xã hội:

- Lãi suất cho vay từ Bộ Tài chính đến tổ chức tài chính, tín dụng bằng lãi suất cho vay đến các đối tượng chính sách theo quy định của Chính phủ, trừ lùi chi phí quản lý và dự phòng rủi ro tín dụng hợp lý dành cho tổ chức tài chính, tín dụng tham gia chương trình, hạn mức tín dụng. Trường hợp Chính phủ có quy định thay đổi về lãi suất cho vay đối tượng chính sách thì lãi suất cho vay từ Bộ Tài chính đến tổ chức tài chính, tín dụng cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

- Thời hạn vay, ân hạn áp dụng đối với tổ chức tài chính, tín dụng do Bộ Tài chính quy định cụ thể đối với từng chương trình, hạn mức tín dụng cụ thể, nhưng tối đa không quá thời hạn vay, ân hạn khoản vay gốc của nước ngoài. Thời hạn trả nợ của các đối tượng chính sách cho tổ chức tài chính, tín dụng do Bộ Tài chính và tổ chức tài chính, tín dụng thỏa thuận cụ thể tại Thỏa thuận cho vay lại/Hiệp định vay phụ ký giữa hai bên.

3. Thẩm định và lựa chọn tổ chức tài chính, tín dụng tham gia chương trình hạn mức tín dụng

a) Trường hợp cho vay lại vốn vay ODA: Bộ Tài chính trực tiếp thẩm định phương án sử dụng vốn vay và trả nợ của các tổ chức tài chính, tín dụng tham gia chương trình trước khi ký kết Thỏa thuận cho vay lại/Hiệp định cho vay phụ.

b) Trường hợp cho vay lại vốn vay ưu đãi: Ngân hàng Nhà nước thẩm định năng lực tài chính và phương án sử dụng và trả nợ của tổ chức tài chính, tín dụng tham gia chương trình, hạn mức tín dụng và thông báo cho Bộ Tài chính kết quả thẩm định trước khi ký kết thỏa thuận cho vay lại.

c) Tổ chức tài chính, tín dụng cho vay đến người sử dụng vốn cuối cùng chịu trách nhiệm thẩm định dự án và chọn đối tượng cho vay phù hợp với chương trình tín dụng đã thỏa thuận với nhà tài trợ hoặc người cho vay, đồng thời chịu mọi rủi ro phát sinh từ việc cho vay lại.

**Điều 6. Cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với khu vực tư nhân khi tiếp cận nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ**

1. Khu vực tư nhân được tiếp cận vốn ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ thông qua cơ chế cho vay lại, cụ thể như sau:

a) Được vay lại vốn ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ khi tham gia thực hiện các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ và được áp dụng cơ chế tài chính trong nước quy định tại Điều 3 Thông tư này.

b) Được vay lại vốn ODA và vốn vay ưu đãi từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước thông qua các chương trình, hạn mức tín dụng và được áp dụng cơ chế tài chính trong nước quy định tại Điều 5 Thông tư này.

c) Được vay lại vốn vay ưu đãi của Chính phủ theo đúng các điều kiện Chính phủ vay của nước ngoài, khi tham gia thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

d) Tham gia thực hiện các chương trình, dự án có mục tiêu hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân của cơ quan chủ quản chương trình: Cơ quan chủ quản chương trình có trách nhiệm thẩm định các dự án của khu vực kinh tế tư nhân tham gia và đề xuất cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với từng chương trình, dự án cụ thể gửi Bộ Tài chính. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ quản chương trình và các cơ quan liên quan xem xét, xác định cơ chế tài chính

trong nước trình Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng đối với từng chương trình, dự án cụ thể.

2. Điều kiện được xem xét để tiếp cận vốn ODA, vay ưu đãi và yêu cầu thẩm định đối với chủ dự án:

a) Điều kiện được xem xét để tiếp cận vốn ODA, vay ưu đãi đối với chủ dự án là doanh nghiệp

- Trường hợp thực hiện các dự án đầu tư phải bảo đảm tối thiểu 20% tổng mức vốn đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt là vốn chủ sở hữu (sau khi trừ đi phần vốn chủ sở hữu thực hiện dự án đầu tư khác - nếu có dự án khác đang triển khai). Trường hợp tổng mức đầu tư điều chỉnh tăng sau khi được vay vốn (nếu có), vốn chủ sở hữu phải điều chỉnh tăng tương ứng để đảm bảo tỷ lệ quy định nói trên.

- Tình hình tài chính lành mạnh, không bị lỗ trong 3 năm liền kề gần nhất, không có lỗ lũy kế và đảm bảo ngưỡng an toàn về hệ số nợ, hệ số thanh toán; tại thời điểm đề xuất tiếp nhận vốn ODA và vốn vay ưu đãi không có nợ quá hạn với các tổ chức tài chính, tín dụng; không có nợ quá hạn liên quan đến khoản được Chính phủ bảo lãnh, các khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và ngân sách nhà nước. Nếu doanh nghiệp chưa đủ 3 năm hoạt động liên tục thì phải có văn bản của chủ sở hữu hoặc của công ty mẹ về cam kết trả nợ thay cho doanh nghiệp, trong trường hợp doanh nghiệp không trả được nợ vay lại của Chính phủ.

- Doanh nghiệp vay lại phải sử dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật để đảm bảo bù đắp rủi ro tín dụng và các rủi ro khác có thể xảy ra. Tài sản đảm bảo bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay của Chính phủ và các tài sản khác theo quy định của pháp luật.

b) Thẩm định và lựa chọn các chủ dự án là doanh nghiệp

- Đối với các chương trình hạn mức tín dụng: tổ chức tài chính - tín dụng thẩm định và lựa chọn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 trên.

- Đối với các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ: Sau khi dự án đầu tư đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và được cấp có thẩm quyền thẩm định và quyết định đầu tư, Bộ Tài chính trực tiếp hoặc thuê tổ chức tư vấn độc lập để thẩm định về năng lực tài chính và phương án trả nợ của chủ dự án trước khi ký kết Thỏa thuận cho vay lại/Hiệp định vay phụ. Tổ chức tư vấn độc lập chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

c) Thẩm định và lựa chọn các chủ dự án là thể nhân (hộ sản xuất kinh doanh, cá nhân) Việc quy định điều kiện cho vay lại sẽ do tổ chức tài chính tín dụng thẩm định và quy định cụ thể cho từng trường hợp.

### **Chương III KẾ HOẠCH VỐN HÀNG NĂM**

#### **Điều 7. Xây dựng kế hoạch vốn hàng năm**

1. Căn cứ vào kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được cơ quan chủ quản phê duyệt, chủ dự án lập kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm để làm cơ sở trình cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch vốn hàng năm.

2. Kế hoạch vốn hàng năm của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi ODA bao gồm:

a) Kế hoạch giải ngân vốn ODA (ODA không hoàn lại, ODA vốn vay) và vốn vay ưu đãi (sau đây gọi chung là kế hoạch giải ngân vốn nước ngoài), được phân theo từng nước hoặc tổ chức tài trợ;

Kế hoạch giải ngân vốn nước ngoài được lập theo từng nguồn vốn (kế hoạch vốn đầu tư, kế hoạch vốn sự nghiệp, kế hoạch vốn hỗ trợ ngân sách, kế hoạch vốn cho vay lại).

Việc giải ngân và thanh toán từ nguồn vốn ODA và vay ưu đãi nước ngoài hàng năm không bị hạn chế bởi kế hoạch giải ngân vốn nước ngoài hàng năm được duyệt, nhưng phải bảo đảm nằm trong hạn mức vốn nước ngoài trong kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được cơ quan chủ quản phê duyệt, quy định tại Điều 37 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Kế hoạch vốn đối ứng (vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương, vốn tín dụng trong nước, vốn tự có của chủ dự án và các nguồn vốn trong nước khác theo quy định của pháp luật):

Các nội dung kế hoạch vốn đối ứng để chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi, được quy định cụ thể tại Điều 43 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Các cơ quan chủ quản phải ưu tiên bố trí vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hàng năm nhằm thực hiện các cam kết tại các điều ước quốc tế về ODA và vay ưu đãi và phù hợp với khả năng giải ngân thực tế hàng năm của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi.



3. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm tổng hợp và phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn hàng năm đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi (quy định tại Điều 37 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP của Chính phủ), gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan khác (cơ quan kiểm soát chi, cơ quan cho vay lại, ngân hàng phục vụ).

4. Trên cơ sở kế hoạch vốn hàng năm đối với các dự án thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính lập kế hoạch giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm (quy định tại các Điều 61 và Điều 62 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP của Chính phủ) để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách nhà nước chung.

Đối với các dự án thuộc diện ngân sách nhà nước cho vay lại, vốn đối ứng do chủ dự án tự bố trí thì chủ dự án chịu trách nhiệm về lập và phê duyệt kế hoạch vốn hàng năm.

### **Điều 8. Quy trình lập kế hoạch vốn hàng năm**

#### 1. Đối với các dự án thuộc diện ngân sách cấp phát:

a) Hàng năm, vào thời điểm lập, trình và xét duyệt dự toán ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, chủ dự án căn cứ tiến độ thực hiện dự án lập kế hoạch vốn đầu tư của dự án hay kế hoạch vốn sự nghiệp gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để trình Thủ tướng Chính phủ và Quốc hội phê duyệt.

b) Quy trình phê duyệt, phân bổ và thông báo kế hoạch vốn tuân thủ đúng các quy định hiện hành về lập và chấp hành ngân sách nhà nước. Quyết định của các Bộ, Ủy ban nhân dân chủ quản về kế hoạch vốn đầu tư, kế hoạch vốn sự nghiệp cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải được gửi đến Bộ Tài chính, Kho bạc nhà nước hoặc Cơ quan cho vay lại được Bộ Tài chính ủy quyền.

c) Trường hợp điều ước quốc tế về dự án đã ký kết nhưng chưa có hiệu lực, hoặc đã có hiệu lực nhưng chưa hoàn thành các thủ tục đầu tư trong nước, trong thời hạn lập dự toán ngân sách hàng năm, cơ quan chủ quản có trách nhiệm báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về nhu cầu vốn đối ứng, vốn ứng trước của dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định (trong trường hợp ngân sách trung ương chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng), hoặc chủ dự án có trách nhiệm báo cáo cơ quan chủ quản dự án ở địa phương về nhu cầu vốn đối ứng, vốn ứng trước của dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định (trong trường hợp ngân sách địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng).



d) Đối với các dự án phát sinh sau thời điểm lập dự toán ngân sách hàng năm, cơ quan chủ quản dự án lập kế hoạch tài chính bổ sung gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư xử lý theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

## 2. Đối với các dự án cho vay lại:

Hàng năm, cùng thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, chủ dự án lập kế hoạch vốn hàng năm của dự án, trong đó nêu rõ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn đối ứng, gửi Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Chủ dự án có trách nhiệm tự cân đối đủ vốn đối ứng theo tiến độ thực hiện dự án.

## 3. Đối với các dự án hỗn hợp vừa cấp phát, vừa cho vay lại:

Tuỳ theo cơ chế tài chính áp dụng đối với từng hợp phần dự án là cấp phát hay cho vay lại, chủ dự án áp dụng quy trình lập và trình duyệt kế hoạch phân bổ vốn của dự án tương ứng với từng hợp phần, theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

## **Chương IV NGÂN HÀNG PHỤC VỤ**

### **Điều 9. Lựa chọn ngân hàng phục vụ**

1. “Ngân hàng phục vụ” là một ngân hàng thương mại được lựa chọn trong danh sách các ngân hàng thương mại đủ tiêu chuẩn để ủy quyền thực hiện việc giao dịch đối ngoại, thanh toán, cung cấp dịch vụ ngân hàng cho dự án ODA, vay ưu đãi. Danh sách các ngân hàng thương mại đủ tiêu chuẩn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định và công bố hàng năm.

### 2. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng phục vụ:

a) Đáp ứng đầy đủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ lệ đảm bảo an toàn tài chính áp dụng đối với các tổ chức tín dụng;

b) Có địa bàn hoạt động phù hợp với địa bàn của chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi;

c) Tuân thủ hoặc cam kết tuân thủ các quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và quy định của nhà tài trợ về quản lý nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

### 3. Quy trình lựa chọn ngân hàng phục vụ:

a) Căn cứ danh sách các ngân hàng đủ tiêu chuẩn là ngân hàng phục vụ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố và văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản và chủ dự án, Bộ Tài chính hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (cơ quan chủ trì đàm phán) xem xét và quyết định việc lựa chọn ngân hàng phục vụ dự án;

b) Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa công bố danh sách các ngân hàng thương mại đủ tiêu chuẩn là ngân hàng phục vụ hàng năm, Bộ Tài chính sẽ thống nhất với cơ quan chủ quản và chủ dự án để lựa chọn ngân hàng phục vụ theo các tiêu chuẩn lựa chọn nêu tại điểm 2 trên.

### **Điều 10. Tài khoản tại ngân hàng phục vụ**

1. Trừ trường hợp các dự án thực hiện theo phương thức hỗ trợ ngân sách phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thuận tiện trong công tác kiểm soát chi và rút vốn cho dự án, Chủ dự án được mở tài khoản giao dịch (tài khoản tạm ứng/tài khoản đặc biệt) tại Ngân hàng phục vụ phù hợp với yêu cầu thanh toán của dự án, quy định trong Hiệp định vay/Thỏa thuận tài trợ.

Các dự án có nhiều nguồn tài trợ khác nhau phải mở các tài khoản riêng để theo dõi từng nguồn vốn rút về.

Trường hợp dự án có nhiều cấp quản lý thực hiện và theo thỏa thuận với nhà tài trợ có thiết kế tài khoản tạm ứng cấp 2, chủ dự án mở tài khoản tạm ứng cấp 2 tại chi nhánh Ngân hàng phục vụ.

2. Lãi phát sinh trên các tài khoản tạm ứng/tài khoản đặc biệt do chủ dự án là chủ tài khoản phải được hạch toán theo dõi riêng và trong quá trình thực hiện dự án chỉ được sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Thanh toán các chi phí giao dịch của ngân hàng phục vụ;

b) Bù đắp chênh lệch tỷ giá trong quá trình hạch toán, chuyển đổi số ngoại tệ trên tài khoản tạm ứng sang nội tệ và ngược lại (nếu có).

Trước ngày 15/02 hàng năm, chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính tình hình sử dụng lãi phát sinh trên số dư tài khoản tạm ứng/tài khoản đặc biệt của năm trước.

3. Xử lý số dư lãi tài khoản tạm ứng/tài khoản đặc biệt:

a) Đối với các dự án thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát: sau khi dự án kết thúc, nếu vẫn còn số dư lãi tiền gửi, chủ dự án nộp toàn bộ số dư vào ngân sách nhà nước.

b) Lãi phát sinh trên tài khoản tạm ứng/tài khoản đặc biệt tại ngân hàng phục vụ đối với các dự án cho vay lại là nguồn thu của chủ dự án.

c) Lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi tại ngân hàng phục vụ đối với các hạn mức tín dụng/hợp phần tín dụng do các tổ chức tài chính, tín dụng vay lại vốn vay của Chính phủ và chịu rủi ro tín dụng xử lý theo Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan.

## **Chương V** **THỦ TỤC RÚT VỐN VÀ QUẢN LÝ RÚT VỐN**

### **Điều 11. Các hình thức rút vốn**

Các hình thức rút vốn vay ODA, vay ưu đãi được quy định cụ thể trong các hiệp định và thoả thuận tài trợ, bao gồm:

#### 1. Đối với phương thức hỗ trợ ngân sách:

a) Rút vốn một lần về ngân sách nhà nước: được thực hiện đối với các chương trình hỗ trợ ngân sách trực tiếp hoặc các chương trình, dự án hợp tác khu vực, toàn cầu do Chính phủ trực tiếp thực hiện.

b) Rút vốn nhiều lần về ngân sách nhà nước: được thực hiện đối với các chương trình kèm theo khung chính sách; các chương trình hạn mức tín dụng; các chương trình, dự án ô, hoặc theo phương thức tài trợ dựa trên kết quả của Ngân hàng Thế giới (WB).

2. Đối với phương thức tài trợ theo chương trình, dự án: được thực hiện theo một hoặc một số các hình thức rút vốn sau đây:

#### a) *Thanh toán trực tiếp/thanh toán chuyển tiền:*

- Thanh toán trực tiếp: là hình thức mà theo đề nghị của Bên vay, nhà tài trợ đồng ý chuyển tiền thanh toán trực tiếp cho nhà thầu/nhà cung cấp của dự án.

- Thanh toán chuyển tiền: là hình thức kết hợp giữa hai hình thức thanh toán trực tiếp và thanh toán hoàn vốn nêu ở điểm c) dưới đây.

b) *Thanh toán theo thư cam kết*: là hình thức thanh toán mà theo đề nghị của Bên vay, nhà tài trợ phát hành một thư cam kết không huỷ ngang, theo đó cam kết sẽ trả lại tiền cho ngân hàng thương mại khi cho vay thanh toán một hợp đồng thương mại, giữa chủ dự án Việt Nam và nhà thầu/nhà cung cấp của dự án, theo phương thức thanh toán Thư tín dụng (L/C) qua hệ thống các ngân hàng thương mại (ngân hàng cho vay, ngân hàng phục vụ).

c) *Hoàn vốn*: là hình thức mà nhà tài trợ thanh toán tiền từ tài khoản vốn vay vào tài khoản do Bên vay chỉ định, để hoàn lại các khoản chi hợp lệ do Bên vay/Chủ dự án đã chi cho dự án vay. Các khoản chi hợp lệ có thể phát sinh trước hoặc sau khi ký thỏa thuận vay nước ngoài và phải tuân thủ các quy định cụ thể trong thỏa thuận vay nước ngoài

d) *Tài khoản tạm ứng/Tài khoản đặc biệt*:

Hình thức Tài khoản tạm ứng là hình thức nhà tài trợ tạm ứng trước một khoản tiền theo đề nghị của Bên vay, vào một tài khoản đặc biệt mở riêng cho dự án tại một ngân hàng phục vụ Bên vay, để Bên vay chủ động trong việc thanh toán cho các khoản chi tiêu thường xuyên và hợp lệ của dự án, giảm bớt số lần rút vốn vay, nhưng nhà tài trợ vẫn kiểm soát chặt chẽ việc thanh toán từ tài khoản đặc biệt này cho các hoạt động của dự án.

## **Điều 12. Trình tự và thủ tục rút vốn đối với các khoản ODA và vốn vay ưu đãi theo phương thức hỗ trợ ngân sách**

1. Đối với chương trình kèm theo ma trận chính sách, Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Tài chính/Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan để thực hiện các cam kết về phần mình theo thỏa thuận với nhà tài trợ, để thỏa mãn điều kiện tiên quyết về rút vốn nêu trong các thỏa thuận vay.

2. Đối với các dự án/chương trình hỗ trợ ngân sách theo phương thức giải ngân dựa trên kết quả đầu ra, Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các chỉ số giải ngân về phần mình theo thỏa thuận với nhà tài trợ để làm cơ sở rút vốn. Chủ dự án được tiếp nhận vốn tạm ứng theo quy định của nhà tài trợ để thực hiện các công việc đã thỏa thuận nhằm đạt được cam kết gắn với chỉ số giải ngân.

3. Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan lập báo cáo, tài liệu hoặc cung cấp chứng từ cụ thể chứng minh việc hoàn thành các cam kết khung về chính sách, các tiêu chí giải ngân quy định tại văn kiện dự án hoặc thỏa thuận tài trợ, để gửi nhà tài trợ và Bộ Tài chính phục vụ yêu cầu rút vốn.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm tổng hợp các hồ sơ và đơn rút vốn gửi nhà tài trợ, đồng thời phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng phục vụ và chủ dự án trong việc chuyển các khoản rút vốn về ngân sách nhà nước để sử dụng theo thỏa thuận với nhà tài trợ.

5. Đối với các khoản hỗ trợ ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ ngân sách theo ngành:

a) Các Bộ, địa phương là cơ quan chủ quản chương trình có trách nhiệm thống nhất với Bộ Tài chính về thời điểm rút vốn, số tiền rút và tài khoản nhận vốn ODA và vốn vay ưu đãi, đồng thời phối hợp với Bộ Tài chính trong việc lập kế hoạch phân bổ và chuyển vốn cho các tiểu dự án thành phần thực hiện chương trình.

b) Vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã rút về ngân sách để chi tiêu cho các mục tiêu, các nội dung của chương trình được thực hiện theo đúng quy trình về kiểm soát chi, cấp phát thanh toán vốn ngân sách nhà nước theo các quy định hiện hành áp dụng cho các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ ngân sách theo ngành có liên quan.

6. Hồ sơ rút vốn: Tuân thủ theo đúng các quy định, thỏa thuận với nhà tài trợ và hướng dẫn tại Điều 12 Thông tư này.

### **Điều 13. Trình tự và thủ tục rút vốn đối với các khoản ODA, vay ưu đãi theo phương thức tài trợ dự án**

1. Sau khi đã hoàn thành các điều kiện tiên quyết để rút vốn theo quy định tại các hiệp định tài trợ, Bộ Tài chính thông báo ngày có hiệu lực rút vốn của hiệp định tài trợ cho các Chủ dự án hoặc Ban quản lý dự án (sau đây gọi chung là Chủ dự án) để lập bộ hồ sơ đề nghị rút vốn gửi Bộ Tài chính.

2. Bộ hồ sơ đề nghị rút vốn được lập căn cứ vào quy định cụ thể theo mẫu quy định của nhà tài trợ và hướng dẫn cụ thể theo từng thủ tục rút vốn nêu tại Điều 14 và Điều 15 Thông tư này, bao gồm các loại sau đây:

a) Hồ sơ rút vốn gửi lần đầu.

b) Hồ sơ rút vốn gửi theo từng đợt rút vốn.

3. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ bộ hồ sơ rút vốn hợp lệ, Bộ Tài chính ký Đơn rút vốn gửi Nhà tài trợ.

4. Trong trường hợp nhà tài trợ yêu cầu các tài liệu bổ sung, hoặc chỉ chấp thuận một phần Đơn rút vốn, Bộ Tài chính sẽ thông báo cho Chủ dự án để phối hợp xử lý kịp thời các yêu cầu hợp lý của nhà tài trợ.

#### **Điều 14. Hồ sơ rút vốn gửi lần đầu**

1. Chủ dự án gửi bộ hồ sơ Hồ sơ rút vốn lần đầu cho Bộ Tài chính, để làm căn cứ pháp lý quản lý việc rút vốn ODA và vay ưu đãi. Hồ sơ này bao gồm các tài liệu cơ bản sau đây:

a) Thỏa thuận tài trợ được ký giữa Chính phủ Việt Nam với nhà tài trợ (bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ dự án);

b) Dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) và/hoặc Văn kiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt kèm Quyết định đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền (bản sao); Quyết định phê duyệt tổng dự toán (nếu có);

c) Hợp đồng giữa chủ dự án và nhà thầu và các tài liệu đi kèm hợp đồng liên quan đến điều kiện thanh toán, trừ các bản vẽ, các tài liệu về thiết kế, kỹ thuật (bản sao); đối với hợp đồng chỉ ký bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt phần các quy định về thanh toán của hợp đồng, có chữ ký và đóng dấu của chủ dự án;

d) Các thỏa thuận đã ký, các bản cam kết với nhà tài trợ, nhà thầu nước ngoài về thực hiện dự án (danh mục chi phí hợp lệ, hợp đồng; thư hoặc văn bản "ý kiến không phản đối" (no objection) của nhà tài trợ; Bảo lãnh thực hiện của ngân hàng nhà thầu...), dự toán được duyệt đối với từng hạng mục, gói thầu, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt và tài liệu dự án liên quan khác (nếu có).

d) Kế hoạch vốn hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trong trường hợp dự án thuộc diện cho vay lại, ngoài các tài liệu kê trên, Chủ dự án là người vay lại còn phải gửi cho Bộ Tài chính/Ngân hàng Nhà nước/Cơ quan cho vay lại được Bộ Tài chính ủy quyền, các tài liệu, báo cáo để phục vụ cho việc thẩm định dự án cho vay lại, được quy định cụ thể tại Điều 19 Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

3. Chủ dự án chỉ phải gửi một lần bản sao các tài liệu trên khi lập Bộ hồ sơ đề nghị rút vốn lần đầu tiên. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các bản sao cung cấp cho Bộ Tài chính. Riêng bản kế hoạch tài chính dự án hàng năm phải gửi 2 bản chính cho Bộ Tài chính, chậm nhất 90 ngày trước ngày rút vốn đầu tiên của năm đó, để chuẩn bị tốt việc rút vốn cho dự án trong từng quý của năm.

## **Điều 15. Hồ sơ gửi từng lần rút vốn**

Ngoài bộ hồ sơ pháp lý được gửi một lần theo hướng dẫn tại Điều 14 trên, đối với mỗi khoản/đợt rút vốn, Chủ dự án lập và gửi cho Bộ Tài chính bộ hồ sơ rút vốn, được quy định cụ thể phù hợp với từng hình thức rút vốn như sau:

### ***1. Thanh toán trực tiếp***

a) Công văn đề nghị rút vốn kèm theo Đơn rút vốn và các sao kê theo mẫu và các chứng từ cần thiết theo quy định của nhà tài trợ;

b) Hoá đơn/Đề nghị thanh toán của Nhà thầu/Nhà cung cấp;

c) Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận (bản gốc) của Cơ quan kiểm soát chi.

### ***2. Thanh toán chuyển tiền của JICA***

a) Công văn đề nghị rút vốn kèm theo Đơn rút vốn, Đề nghị thanh toán của nhà thầu theo mẫu tại Hiệp định vay;

b) Các chứng từ cần thiết khác (Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, Bảo lãnh tạm ứng...) theo quy định của JICA.

c) Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận (bản gốc) của Cơ quan kiểm soát chi.

Do phương thức chuyển tiền nguồn JICA là hỗn hợp giữa hình thức rút vốn tạm ứng và rút vốn thanh toán trực tiếp và được thực hiện chế độ kiểm soát chi sau, Chủ dự án cần lưu ý xử lý việc rút vốn theo từng giai đoạn thanh toán như sau:

- Trong giai đoạn thanh toán giữa kỳ, nếu trị giá Giấy xác nhận thanh toán của Cơ quan kiểm soát chi có chênh lệch với số chi thực tế đã thanh toán ở kỳ trước, Chủ dự án chịu trách nhiệm điều chỉnh số chênh lệch này vào trị giá thanh toán của kỳ kế tiếp.

- Thanh toán kỳ cuối: Chủ dự án gửi Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của Cơ quan kiểm soát chi đối với kỳ thanh toán trước đó và của kỳ thanh toán cuối cùng để đảm bảo toàn bộ khối lượng thanh toán của Hợp đồng dự án đã được kiểm soát thanh toán toàn bộ.

### ***3. Thủ tục Thư cam kết/Cam kết đặc biệt***



a) Chủ dự án gửi Bộ Tài chính bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị nhà tài trợ phát hành thư cam kết;
- Bộ hồ sơ phát hành thư cam kết theo mẫu của nhà tài trợ và dự thảo L/C (hoặc bản sao L/C đã mở).

b) Trong trường hợp rút vốn nguồn JICA, nếu hợp đồng quy định sử dụng thủ tục Cam kết (Commitment Procedure), Chủ dự án lập Hồ sơ rút vốn lần đầu gửi Bộ Tài chính để xem xét và thông báo cho Ngân hàng phục vụ được chọn, để tiến hành các thủ tục mở L/C tại Ngân hàng được ủy quyền của nhà tài trợ JICA.

Do việc rút vốn và thanh toán theo hình thức cam kết từ nguồn JBIC cũng áp dụng chế độ kiểm soát chi sau, nên mỗi lần ký bộ hồ sơ thanh toán cho nhà thầu/tư vấn và gửi bộ hồ sơ thanh toán đó cho Cơ quan kiểm soát chi, Chủ dự án phải gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau để phục vụ cho công tác theo dõi, đối chiếu số liệu rút vốn với JICA:

- Yêu cầu thanh toán (Claims for Payment).
- Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận (bản gốc) của Cơ quan kiểm soát chi.

c) Thủ tục thanh toán bằng L/C không cần thư cam kết (áp dụng trong trường hợp nhà tài trợ song phương ủy quyền cho một ngân hàng thay mặt nhà tài trợ quản lý vốn ODA, đồng thời thực hiện vai trò là ngân hàng người bán): Nếu trong hợp đồng thương mại có điều khoản thanh toán bằng L/C không cần thư cam kết, Chủ dự án gửi Bộ Tài chính công văn đề nghị mở L/C kèm theo bản sao hợp đồng thương mại và hồ sơ liên quan để xem xét có ý kiến về việc mở L/C gửi Ban quản lý dự án và ngân hàng phục vụ, đồng thời gửi Thư thông báo ủy quyền thanh toán không huỷ ngang cho ngân hàng được ủy quyền của nhà tài trợ để thanh toán theo L/C.

#### ***4. Thủ tục Hoàn vốn/Hồi tố***

a) Chủ dự án gửi Bộ Tài chính bộ hồ sơ rút vốn gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị rút vốn, Đơn rút vốn và sao kê theo mẫu;

Đơn rút vốn phải ghi rõ tên và số tài khoản của từng đơn vị đã ứng vốn. Đối với các khoản do Ngân sách nhà nước ứng trước (vốn chuẩn bị dự án, vốn

ứng trước để thực hiện dự án), phải nêu rõ tên và số tài khoản của cấp ngân sách nơi ứng vốn.

- Sao kê chuyển tiền chứng minh khoản thanh toán đã được thực hiện cho nhà thầu/người hưởng lợi và/hoặc Bảng kê xác nhận đã nhận được vốn thanh toán của Nhà thầu/Người hưởng lợi;

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư có xác nhận (bản gốc) của Cơ quan kiểm soát chi;

Trong trường hợp đặc biệt theo yêu cầu của nhà tài trợ, Bộ Tài chính có thể yêu cầu các tài liệu bổ sung.

b) Trong trường hợp rút vốn nguồn JICA: Chủ dự án gửi Bộ Tài chính bộ hồ sơ rút vốn gồm các tài liệu sau:

- Hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu và các văn bản phê duyệt hợp đồng của phía Việt Nam và JICA, kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có chữ ký và đóng dấu của chủ dự án;

- Công văn đề nghị rút vốn và các chứng từ cần thiết theo quy định của nhà tài trợ;

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;

- Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận (bản gốc) của Cơ quan kiểm soát chi.

### ***5. Tài khoản tạm ứng/Tài khoản đặc biệt***

a) Rút vốn lần đầu về Tài khoản tạm ứng (TKTU):

Việc rút vốn lần đầu về TKTU được thực hiện căn cứ trên hạn mức (hoặc mức trần) của TKTU quy định trong Thỏa thuận vay/Hiệp định tài trợ. Hạn mức TKTU có thể được quy định cho 2 cấp (đối với dự án có cấp Trung ương và cấp địa phương cùng tham gia thực hiện), nhưng số vốn rút phải chuyển qua TKTU cấp 1.

Sau khi Thỏa thuận vay/Hiệp định tài trợ đã có hiệu lực rút vốn, Chủ dự án gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau: (i) Công văn đề nghị rút vốn và (ii) Đơn rút vốn và các sao kê đi kèm theo mẫu của Nhà tài trợ, để xem xét và ký Đơn rút vốn gửi Nhà tài trợ.

b) Bổ sung TKTU:

Để rút vốn bổ sung TKTU (TKTU cấp 1), Chủ dự án gửi các tài liệu sau cho Bộ Tài chính:

- Công văn đề nghị rút vốn bổ sung TKTU;
- Đơn rút vốn và các sao kê theo mẫu của nhà tài trợ;
  - Sao kê do Ban quản lý dự án lập thể hiện rõ từng khoản chi từ TKTU, chi tiết theo: ngày thanh toán, số tiền nguyên tệ, số tiền quy USD, số tiền VNĐ, tỷ giá USD/VNĐ, nội dung thanh toán, đối tượng thụ hưởng;
  - Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư có xác nhận (bản gốc) của Cơ quan kiểm soát chi;
  - Sao kê TKTU của ngân hàng phục vụ;
  - Khế ước nhận nợ/Biên bản nhận nợ đã ký giữa Bên vay lại và Cơ quan cho vay lại (trường hợp dự án vay lại).

Bộ Tài chính sẽ xem xét ký/đồng ký Đơn rút vốn gửi Nhà tài trợ để chuyển tiền bổ sung vào TKTU.

c) Tài khoản đặc biệt JICA:

Hình thức thanh toán Tài khoản đặc biệt cũng được JICA áp dụng đối với một số dự án có đặc thù riêng và được quy định rõ trong Hiệp định vay, cụ thể như sau:

- Mở tài khoản đặc biệt: Căn cứ công văn đề nghị của Bộ Tài chính, Ngân hàng phục vụ được chọn mở một Tài khoản đặc biệt bằng tiền Yên và tài khoản lãi của tài khoản đặc biệt do Bộ Tài chính làm chủ tài khoản tại Ngân hàng được ủy quyền của nhà tài trợ.

- Rút vốn lần đầu: Căn cứ công văn bản yêu cầu của chủ dự án, Bộ Tài chính làm thủ tục rút vốn lần đầu và rút vốn bổ sung vào tài khoản đặc biệt theo quy định của Hiệp định vay. Kỳ rút vốn đầu tiên không cần chứng từ kèm theo.

- Rút vốn bổ sung: Chủ dự án lập bảng kê những chứng từ đã thanh toán ra từ Tài khoản đặc biệt (gồm Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu, Ủy nhiệm chi của ngân hàng ghi rõ số tiền đã chuyển từ Tài khoản đặc biệt đến tài khoản của nhà thầu). Tỷ lệ thanh toán của kỳ rút vốn lần đầu và rút vốn bổ sung được quy định tại Hiệp định tài trợ.

- Rút vốn lần cuối: Trong trường hợp có số chênh lệch dương giữa số rút vốn vào tài khoản đặc biệt và chứng từ thanh toán từ tài khoản đặc biệt do yếu tố chênh lệch tỷ giá, Bộ Tài chính yêu cầu Chủ dự án bố trí vốn hoàn trả JICA số chênh lệch này.

### **Điều 16. Quản lý rút vốn và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi**

Để bảo đảm sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ, việc rút vốn, chi tiêu và thanh toán của các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ được kiểm tra, giám sát như chi tiêu và sử dụng ngân sách nhà nước ở các cơ quan, đơn vị dự toán ngân sách, thông qua việc thực hiện kiểm soát chi tiêu và thanh toán (sau đây gọi tắt là kiểm soát chi) từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của dự án. Kiểm soát chi nhằm đảm bảo chi tiêu của dự án phù hợp với Hiệp định/Văn kiện dự án/Hợp đồng sử dụng nguồn vốn ODA và vay ưu đãi đã ký kết và tuân thủ các quy định về quản lý tài chính trong nước hiện hành.

#### 1. Nguyên tắc kiểm soát chi

a) Kiểm soát chi áp dụng đối với mọi hoạt động chi tiêu của dự án.

b) Kiểm soát chi các hồ sơ đề nghị thanh toán để rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải căn cứ vào kế hoạch giải ngân vốn nước ngoài hàng năm được duyệt. Trong trường hợp số rút vốn thực tế trong năm vượt kế hoạch giải ngân vốn nước ngoài năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (kể cả trong trường hợp do chênh lệch tỷ giá), chủ dự án có trách nhiệm lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch điều chỉnh nhằm bổ sung số vốn tăng thêm, trên nguyên tắc tổng trị giá giải ngân và thanh toán lũy kế không vượt quá hạn mức vốn nước ngoài của toàn dự án.

c) Trong trường hợp tại các điều ước/thỏa thuận quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi đã ký kết với nhà tài trợ có những quy định về rút vốn và kiểm soát chi đối với nguồn vốn ODA và vay ưu đãi khác với các quy định của Thông tư này, thì thực hiện theo các quy định tại điều ước/thỏa thuận quốc tế đó.

#### 2. Cơ quan kiểm soát chi:

a) Kho bạc nhà nước các cấp thực hiện việc kiểm soát hồ sơ thanh toán của dự án/hợp phần dự án thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát.

b) Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoặc Cơ quan cho vay lại khác được Bộ Tài chính uỷ quyền cho vay lại thực hiện việc kiểm soát hồ sơ thanh toán của dự án/hợp phần dự án thuộc diện cho vay lại.

c) Chương trình hạn mức tín dụng/ hợp phần tín dụng:

- Tổ chức tài chính, tín dụng được Bộ Tài chính ủy quyền là Cơ quan cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng thực hiện việc kiểm soát chi đối với đề nghị rút vốn và thanh toán của người vay lại.

- Tổ chức tài chính, tín dụng vay lại theo các chương trình, hạn mức tín dụng và chịu rủi ro tín dụng có trách nhiệm kiểm soát chi khi cho vay lại đối với người vay vốn cuối cùng.

- Chủ dự án là Người vay lại vốn vay từ hạn mức tín dụng từ các tổ chức tài chính, tín dụng tự chịu trách nhiệm về việc kiểm soát chi tiêu, thanh toán của mình theo quy định của luật pháp hiện hành.

d) Bộ Tài chính xác định cơ quan kiểm soát chi thích hợp đối với các loại chương trình, dự án khác chưa được xác định theo các điểm a, b và c nêu trên, đảm bảo nguyên tắc không có hai cơ quan kiểm soát chi cùng kiểm soát một hoạt động chi tiêu của dự án.

3. Thực hiện kiểm soát chi:

a) “Kiểm soát chi trước” là việc Cơ quan kiểm soát chi kiểm tra, xác nhận tính hợp lệ của khoản chi trước khi Chủ dự án rút vốn thanh toán cho nhà thầu/người thụ hưởng.

b) “Kiểm soát chi sau” là việc Cơ quan kiểm soát chi kiểm tra, xác nhận tính hợp lệ của khoản chi sau khi Chủ dự án đã rút vốn về thanh toán cho nhà thầu/người thụ hưởng. Kiểm soát chi sau được áp dụng cho mọi đề nghị thanh toán, trừ các trường hợp sau đây phải thực hiện kiểm soát chi trước:

- Thanh toán trực tiếp cho nhà thầu/nhà cung cấp: Kiểm soát chi trước đối với các hợp đồng thanh toán một lần, hoặc đối với đợt thanh toán lần cuối của các hợp đồng

- Thanh toán từ Tài khoản tạm ứng/Tài khoản đặc biệt (TKTU) các cấp cho nhà thầu/người thụ hưởng đối với các dự án chỉ có một cấp TKTU hoặc thanh toán từ TKTU cấp 1 đối với dự án có nhiều cấp TKTU.

- Thanh toán chuyển tiền do JICA tài trợ: Kiểm soát chi trước đối với đợt thanh toán lần cuối cho các hợp đồng.

c) Cơ quan kiểm soát chi có trách nhiệm kiểm soát chi hoặc từ chối xác nhận kiểm soát chi trong vòng 7 ngày làm việc đối với trường hợp kiểm soát

chi trước; và trong vòng 3 ngày làm việc đối với trường hợp kiểm soát chi sau kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ.

#### 4. Hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi

a) Đối với dự án/hợp phần đầu tư xây dựng thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát

-Hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

-Hồ sơ, tài liệu xác nhận vốn tạm ứng: ngoài các hồ sơ, tài liệu đã gửi lần đầu, chủ dự án gửi cơ quan kiểm soát chi các tài liệu sau:

+ Bảo lãnh tạm ứng có giá trị bằng giá trị đề nghị tạm ứng, có thời hạn đảm bảo thu hồi hết tạm ứng theo quy định của hợp đồng; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Giấy rút vốn đầu tư (trường hợp tạm ứng vốn trong nước).

+ Mức vốn tạm ứng, thu hồi tạm ứng căn cứ quy định của hợp đồng, phù hợp với quy định hiện hành trong nước và theo điều ước quốc tế. Chủ dự án chịu trách nhiệm thu hồi đầy đủ số vốn ứng theo hợp đồng và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng.

b) Hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi đối với dự án/hợp phần dự án hành chính sự nghiệp thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 2/10/2012 quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung Thông tư này. Trường hợp hiệp định tài trợ/hiệp định vay hoặc nhà tài trợ có quy định riêng thì thực hiện theo hiệp định tài trợ/hiệp định vay hay quy định riêng đó. Ngoài ra, đối với dự án ODA, để kiểm soát chi, chủ dự án gửi đến cơ quan kiểm soát chi các tài liệu sau:

- Hồ sơ, tài liệu gửi lần đầu (trừ trường hợp có bổ sung, điều chỉnh thì gửi lại tài liệu được bổ sung, điều chỉnh): Thoả thuận tài trợ được ký giữa Chính phủ Việt Nam với nhà tài trợ (bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ dự án/ban quản lý dự án); Thư không phản đối của nhà tài trợ đối với hợp đồng (nếu áp dụng).

c) Hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi dự án cho vay lại:

- Đối với hạn mức tín dụng:

Hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi đối với các dự án/hợp phần cho vay lại theo hạn mức tín dụng thực hiện theo quy định của các tổ chức tín dụng sử dụng vốn ODA vay lại và phù hợp với quy định của hiệp định tài trợ và dự án. Tổ chức tín dụng vay lại vốn ODA chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn và hợp lệ của các khoản cho vay tín dụng và các khoản chi tiêu phi tín dụng trong sao kê chi tiêu gửi Bộ Tài chính khi làm đề nghị rút vốn ngoài nước.

- Hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi dự án/hợp phần cho vay lại khác: thực hiện tương tự như đối với các dự án/hợp phần đầu tư xây dựng thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát.

## **Chương VI** **HẠCH TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

### **Điều 17. Mở tài khoản tại hệ thống Kho bạc nhà nước**

#### **1. Tài khoản nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi:**

Tuỳ theo yêu cầu tổ chức thực hiện của dự án và thoả thuận bằng văn bản với nhà tài trợ, chủ dự án mở tài khoản nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của dự án tại hệ thống KBNN để tiếp nhận nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi tạm ứng và thực hiện thanh toán cho dự án sau khi có kiểm soát chi của KBNN.

2. Tài khoản vốn đối ứng: chủ dự án mở tài khoản tại KBNN nơi giao dịch để kho bạc thực hiện việc kiểm soát thanh toán đối với chi tiêu của dự án, đồng thời theo dõi cấp phát vốn đối ứng cho dự án.

### **Điều 18. Nguyên tắc hạch toán ngân sách nhà nước**

1. Hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước đối với nguồn vốn ODA và vay ưu đãi nước ngoài do cơ quan tài chính các cấp thực hiện.

2. Hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước được thực hiện trên cơ sở giá trị các khoản ODA và vay ưu đãi nước ngoài đã giải ngân và chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng, quy ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố hàng tháng (trong trường hợp Bộ Tài chính chuyển cho dự án bằng ngoại tệ), hoặc theo tỷ giá mua vào của ngân hàng phục vụ (trong trường hợp Bộ Tài chính bán ngoại tệ và chuyển tiền Đồng Việt Nam cho dự án).



3. Số liệu ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước là cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phép sử dụng hoặc vay lại vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ thực hiện hạch toán và quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

### **Điều 19. Quy trình hạch toán ngân sách nhà nước**

Sau khi nhận được thông báo rút vốn vay của nhà tài trợ hoặc chứng từ thanh toán từ TKTU/TKĐB của ngân hàng phục vụ, Bộ Tài chính lập lệnh ghi thu, ghi chi gửi Kho bạc nhà nước để hạch toán ngân sách nhà nước. Tùy theo mục đích và đối tượng sử dụng/thụ hưởng, trình tự và thủ tục hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước được quy định cụ thể như sau:

1. Đối với các khoản vay bằng tiền theo hình thức hỗ trợ ngân sách chung: căn cứ vào chứng từ nhận tiền của ngân hàng phục vụ, Kho bạc nhà nước hạch toán thu ngân sách nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định (trường hợp chuyển ngoại tệ vào Quỹ ngoại tệ tập trung được hạch toán theo quy định đối với các khoản thu ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ).

2. Đối với các khoản vay bằng tiền theo hình thức hỗ trợ ngân sách theo ngành, lĩnh vực: căn cứ vào hiệp định, thỏa thuận tài trợ đã ký và dự toán giao cho các đơn vị sử dụng/thụ hưởng, Kho bạc nhà nước thực hiện thanh toán, chi trả, kiểm soát chi và hạch toán chi ngân sách nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định như đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Đối với các khoản vay nước ngoài cấp phát cho các dự án đầu tư xây dựng, sự nghiệp của các Bộ, cơ quan Trung ương: căn cứ thông báo giải ngân của nhà tài trợ hoặc chứng từ thanh toán từ TKTU/TKĐB của ngân hàng phục vụ, Bộ Tài chính thực hiện ghi thu ngân sách nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi, ghi chi cấp phát vốn đầu tư xây dựng, vốn sự nghiệp cho các Bộ, cơ quan Trung ương theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Đối với các khoản vay nước ngoài cấp phát cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: căn cứ thông báo giải ngân của nhà tài trợ, Bộ Tài chính thực hiện ghi thu ngân sách nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi, ghi chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thông qua Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Căn cứ chứng từ hồ sơ Bộ Tài chính gửi đến, Sở Tài chính lập lệnh chi tiền cho các đơn vị sử dụng vốn tại địa phương gửi kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện cấp phát ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Đối với các khoản vay nước ngoài của Chính phủ thực hiện theo cơ chế Bộ Tài chính trực tiếp cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, khu vực tư nhân: căn cứ Thông báo giải ngân của nhà tài trợ, Bộ Tài chính thực hiện ghi

thu ngân sách nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi, ghi chi cho vay lại đối với Cơ quan cho vay lại được Bộ Tài chính ủy quyền thu hồi nợ.

6. Đối với các khoản vay nước ngoài của Chính phủ theo cơ chế Bộ Tài chính ủy quyền cho một tổ chức tài chính, tín dụng là Cơ quan cho vay lại để cho vay lại các chương trình, dự án đầu tư: căn cứ Thông báo giải ngân của nhà tài trợ, Bộ Tài chính thực hiện ghi thu ngân sách nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi, ghi chi cho vay lại đối với Cơ quan cho vay lại. Không phụ thuộc vào thời điểm ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước, Cơ quan cho vay lại và chủ dự án vay lại có trách nhiệm làm thủ tục nhận nợ ngay khi nhận được bản sao Thông báo giải ngân của nhà tài trợ do Bộ Tài chính gửi.

## **Điều 20. Điều chỉnh số liệu hạch toán ngân sách nhà nước**

1. Điều chỉnh số liệu hạch toán ngân sách nhằm xử lý chênh lệch giữa số liệu ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước với quyết toán thực tế số liệu rút vốn và sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi nước ngoài, có thể phát sinh trong những trường hợp sau:

a) Vốn đã rút nhưng không sử dụng hết hoặc chi sai mục đích phải trả lại nhà tài trợ theo quy định tại hiệp định, thỏa thuận tài trợ;

b) Chuyển đổi chủ dự án theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Thay đổi về cơ chế tài chính trong nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền (ví dụ chuyển từ cơ chế cho vay lại sang cấp phát từ ngân sách nhà nước một phần hoặc toàn bộ vốn ODA và vay ưu đãi của dự án);

d) Điều chỉnh các sai sót hoặc nhầm lẫn khác trong quá trình hạch toán ngân sách nhà nước, căn cứ vào đối chiếu số liệu giữa kho bạc nhà nước các cấp với các chủ đầu tư dự án.

2. Quy trình và thủ tục điều chỉnh:

a) Căn cứ vào đề nghị điều chỉnh của cơ quan chủ quản và chủ dự án, kèm theo các tài liệu, biên bản, chứng từ cụ thể chứng minh, Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) tiến hành rà soát, đối chiếu với số liệu đã hạch toán ngân sách nhà nước và lập Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách gửi Kho bạc nhà nước.

b) Căn cứ vào Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách, Kho bạc nhà nước thực hiện hạch toán điều chỉnh số liệu hạch toán ngân sách và gửi các liên Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách cho cơ quan chủ quản, chủ dự án để điều chỉnh các

số liệu hạch toán tương ứng trên các báo cáo kế toán và quyết toán vốn nước ngoài.

c) Việc điều chỉnh số liệu hạch toán ngân sách nhà nước hàng năm phải thực hiện trong thời hạn chỉnh lý ngân sách các cấp.

## **Chương VII** **BỐ TRÍ VỐN ĐỐI ỨNG VÀ CƠ CHẾ ỨNG TRƯỚC VỐN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

### **Điều 21. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng**

1. Ngân sách Trung ương chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng cho các dự án/hợp phần dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương theo Luật Ngân sách nhà nước và do cơ quan trung ương là chủ dự án/hợp phần dự án quản lý và thực hiện.

2. Ngân sách địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng cho:

a) Các dự án/ hợp phần dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo Luật Ngân sách nhà nước và do cơ quan địa phương là chủ dự án/hợp phần dự án quản lý và thực hiện.

b) Các dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại vốn vay ODA và vay ưu đãi của Chính phủ.

3. Tổ chức tài chính tín dụng, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng cho:

a) Các dự án/hợp phần dự án do tổ chức tài chính tín dụng, doanh nghiệp là chủ dự án/hợp phần dự án quản lý và thực hiện.

b) Các dự án/hợp phần dự án do tổ chức tài chính tín dụng, doanh nghiệp vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi của Chính phủ.

4. Người hưởng lợi có trách nhiệm đóng góp phần vốn đối ứng (bằng tiền, hiện vật hoặc công lao động) theo thiết kế của từng chương trình, dự án.

### **Điều 22. Hỗ trợ vốn đối ứng**

1. Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ vốn đối ứng, theo hình thức bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương đối với các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách khi tham gia các dự án/hợp phần dự án trong các chương trình, dự án ô do các cơ quan Trung ương giữ vai trò điều phối chung.

2. Căn cứ vào tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về Ngân sách Trung ương, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định cụ thể tỷ lệ hỗ trợ địa phương đối với từng dự án cụ thể.

### **Điều 23. Cơ chế ứng trước vốn**

Ứng trước từ ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) vốn ứng trước để thực hiện một số hạng mục của chương trình, dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách nhà nước, theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/04/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ.

1. Trong trường hợp khoản vốn ứng trước đã được cam kết tài trợ từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi và đã được ghi vào dự toán ngân sách nhà nước trong năm được Quốc hội quyết định: Trên cơ sở đề nghị của cơ quan chủ quản, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xem xét, quyết định ứng vốn từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình, dự án. Phần vốn ứng trước này sẽ được Kho bạc nhà nước các cấp thu hồi lại khi giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ.

2. Trong trường hợp khoản vốn ứng trước đã được cam kết tài trợ từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi, nhưng chưa được ghi vào dự toán ngân sách nhà nước trong năm được Quốc hội quyết định: trên cơ sở đề nghị của cơ quan chủ quản, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau để thực hiện chương trình, dự án, đồng thời phối hợp với cơ quan chủ quản để bố trí cân đối số vốn ứng trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau.

## **Chương VIII TỔ CHỨC CHO VAY LẠI**

### **Điều 24. Quy trình, thủ tục cho vay lại**

1. Ký kết Hợp đồng/Thỏa thuận cho vay lại:

a) Bộ Tài chính trực tiếp cho vay lại đối với các tổ chức tài chính, tín dụng (trường hợp cho vay lại hạn mức tín dụng/ hợp phần tín dụng và tổ chức tài chính, tín dụng chịu rủi ro tín dụng) hoặc đối với các chủ dự án, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế (trường hợp cho vay lại các chương trình, dự án đầu tư cụ thể, trừ trường hợp cho vay đối với hộ sản xuất, cá nhân), thông qua việc ký kết Thỏa thuận cho vay lại hoặc Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và các tổ chức, đơn vị này.

b) Bộ Tài chính trực tiếp cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thông qua việc ký kết Biên bản thỏa thuận cho vay lại hoặc Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Biên bản thỏa thuận cho vay lại hoặc Hiệp định vay phụ nêu tại điểm a) và b) trên được lập cho từng chương trình, dự án cho vay lại cụ thể và theo mẫu thống nhất với nhà tài trợ (nếu có).

c) Bộ Tài chính ủy quyền cho tổ chức tài chính, tín dụng làm Cơ quan cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cụ thể (trường hợp tổ chức tài chính, tín dụng không chịu rủi ro tín dụng), thông qua việc ký kết Hợp đồng ủy quyền cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Cơ quan cho vay lại.

Hợp đồng ủy quyền cho vay lại được lập theo Mẫu Hợp đồng ủy quyền cho vay lại, quy định tại Phụ lục 2 Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

## 2. Lập kế hoạch thu hồi nợ cho vay lại:

a) Đối với các khoản Bộ Tài chính cho vay lại trực tiếp: Bộ Tài chính xác định kế hoạch thu hồi nợ, kế hoạch thu phí cho vay lại hàng quý và cả năm, căn cứ vào các quy định tại các thỏa thuận cho vay lại hoặc hiệp định vay phụ đã ký kết.

b) Đối với các khoản Bộ Tài chính ủy quyền cho Cơ quan cho vay lại thu: Cơ quan cho vay lại có trách nhiệm lập kế hoạch thu hồi vốn cho vay lại, kế hoạch thu phí cho vay lại hàng quý và cả năm, căn cứ vào các quy định tại các hợp đồng ủy quyền cho vay lại đã ký kết, gửi cho Bộ Tài chính để tổng hợp.

## 3. Tổ chức công tác thu hồi nợ:

a) Tài khoản thu hồi nợ: Các khoản thu hồi nợ cho vay lại (gốc, lãi, phí cho vay lại) đều được hoàn trả trực tiếp vào tài khoản giao dịch bằng ngoại tệ và tiền Việt Nam của Quỹ tích lũy trả nợ tại Kho bạc Nhà nước.

b) Tháng 6 và tháng 12 hàng năm, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là Người vay lại trực tiếp vốn vay nước ngoài của Chính phủ chịu trách nhiệm đối chiếu số liệu hoàn trả nợ cho vay lại với Bộ Tài chính (Quỹ tích lũy trả nợ).

c) Các Cơ quan cho vay lại có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch thu hồi vốn cho vay lại, kế hoạch thu phí cho vay lại định kỳ hàng quý và cả năm và tình hình hoàn trả Quỹ tích lũy trả nợ theo từng chương trình, dự án vay lại gửi Bộ Tài chính (Quỹ tích lũy trả nợ). Thời hạn báo cáo là ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo đối với báo cáo quý và trước ngày 31/01 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

## **Điều 25. Xử lý rủi ro cho vay lại**

Trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý rủi ro cho vay lại được quy định cụ thể tại Điều 23 Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Tài chính, cơ quan cho vay lại trong việc đánh giá, xếp hạng và phân loại nợ bị rủi ro theo quy định tại Quy chế quản lý và xử lý rủi ro đối với danh mục nợ công ban hành kèm theo Quyết định số 56/2012/QĐ-TTg ngày 21/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

## **Chương IX CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO, KIỂM TRA**

### **Điều 26. Kế toán dự án ODA, vốn vay ưu đãi**

#### 1. Nguyên tắc kế toán:

Các đơn vị sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải đảm bảo:

a) Tuân thủ các quy định của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam;

b) Tuân thủ các quy định về kế toán của nhà tài trợ được quy định trong hiệp định vay, thỏa thuận tài trợ hoặc trong văn kiện dự án (nếu có);

#### 2. Tổ chức bộ máy kế toán

Tuỳ thuộc quy mô của dự án, hình thức quản lý dự án để tổ chức bộ máy kế toán phù hợp:

a) Trường hợp dự án không thành lập Ban Quản lý dự án, hoặc có thành lập Ban quản lý dự án nhưng không tổ chức bộ máy kế toán riêng: chủ dự án được sử dụng bộ máy kế toán và hạch toán chung trên cùng hệ thống sổ kế toán của đơn vị, kế toán đơn vị đồng thời là kế toán dự án để thực hiện các công việc kế toán của dự án, nhưng phải hạch toán tách bạch tài khoản, nguồn vốn và tài khoản thu, chi của dự án.

b) Trường hợp dự án có quy mô lớn, có thành lập Ban Quản lý dự án (có tư cách pháp nhân độc lập, có con dấu riêng): Ban Quản lý dự án quyết định thành lập Phòng hoặc Bộ phận kế toán riêng và thực hiện bổ nhiệm kế toán trưởng (hoặc thuê kế toán trưởng) hoặc phụ trách kế toán theo quy định hiện hành.

### 3. Chế độ kế toán áp dụng

a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này: áp dụng chế độ kế toán mà đơn vị thực hiện dự án đang áp dụng (chế độ kế toán doanh nghiệp, chế độ kế toán HCSN hoặc chế độ kế toán khác phù hợp).

b) Đối với các trường hợp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này: căn cứ vào tính chất sử dụng vốn, hình thức quản lý dự án, loại hình đơn vị sử dụng vốn để áp dụng chế độ kế toán phù hợp.

## **Điều 27. Kiểm toán báo cáo tài chính**

1. Kiểm toán báo cáo tài chính năm của dự án ODA, vốn vay ưu đãi nhằm kiểm tra và xác nhận tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính dự án trong một năm tài chính.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi phải được kiểm toán bởi Kiểm toán nhà nước hoặc Kiểm toán độc lập theo thỏa thuận với nhà tài trợ. Trường hợp dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi đã có trong thông báo kế hoạch kiểm toán hàng năm của cơ quan Kiểm toán nhà nước thì Báo cáo tài chính năm đó không bắt buộc phải kiểm toán độc lập.

3. Việc kiểm toán báo cáo tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành trừ trường hợp các thỏa thuận giữa Chính phủ với nhà tài trợ có quy định khác.



4. Các doanh nghiệp kiểm toán được lựa chọn thực hiện kiểm toán dự án là các doanh nghiệp kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, trừ trường hợp các thỏa thuận giữa Chính phủ với nhà tài trợ có quy định khác.

5. Trường hợp nhà tài trợ có quy định, có thể yêu cầu thuê kiểm toán báo cáo tài chính đối với từng hạng mục công trình, công trình, công việc đã hoàn thành.

## **Điều 28. Quyết toán**

### **1. Quyết toán năm:**

a) Các dự án vốn sự nghiệp sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 2/1/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp, và các văn bản bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế Thông tư này.

b) Các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm và các văn bản bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế Thông tư này.

### **2. Quyết toán dự án hoàn thành:**

a) Các dự án có sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi khi hoàn thành phải thực hiện quyết toán dự án theo Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

b) Đối với các dự án chấm dứt hoạt động hoặc có quyết định giải thể, sát nhập trong năm ngân sách, giám đốc dự án và người phụ trách kế toán phải chịu trách nhiệm quyết toán dự án hoàn thành đến thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể, sát nhập, mới được điều chuyển đi công tác khác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những sai phạm (nếu có) trong thời gian thực hiện nhiệm vụ trên.

## **Điều 29. Báo cáo tình hình giải ngân**

1. Chủ dự án lập và gửi Bộ Tài chính Báo cáo sao kê rút vốn vay nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư này khi làm thủ tục rút vốn vay nước ngoài theo các hình thức quy định tại Điều 15 Thông tư này để làm cơ sở ghi thu ghi chi vốn ngân sách nhà nước

2. Chủ dự án gửi báo cáo kết thúc giải ngân đối với chương trình/dự án cho Bộ Tài chính trong vòng 30 ngày kể từ khi đóng khoản vay, khoản tài trợ, chi tiết theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này để làm cơ sở quyết toán dự án.

3. Chủ dự án lập và gửi các báo cáo tài chính cho nhà tài trợ theo quy định tại các văn kiện dự án, hiệp định hoặc thỏa thuận tài trợ đã ký kết. Các báo cáo này cũng được chủ dự án gửi cho cơ quan chủ quản và cơ quan Tài chính đồng cấp để theo dõi và chỉ đạo kịp thời công tác quản lý tài chính đối với dự án.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan cho vay lại, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm lập và cung cấp cho Bộ Tài chính các báo cáo về nợ công 6 tháng và cả năm, theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 53/2011/TT-BTC ngày 27/4/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.

### **Điều 30. Kiểm tra**

Cơ quan tài chính các cấp, cơ quan chủ quản dự án có thể độc lập hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các dự án có sử dụng nguồn vốn ODA và vay ưu đãi nước ngoài về việc chấp hành các quy định quản lý tài chính được quy định tại Thông tư này.

## **Chương X CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

### **Điều 31. Quản lý tài sản**

Việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản đầu tư, trang bị từ các dự án sử dụng nguồn vốn ODA và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước hiện hành.

### **Điều 32. Chính sách thuế**

Chính sách ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ được thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

## **Chương XI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 33. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày (45 ngày sau ngày ký) và thay thế các Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 7/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với các chương trình, dự án ODA; Thông tư số 40/2011/TT-BTC ngày 22/3/2011 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 7/9/2007 và Thông tư số 107/2011/TT-BTC ngày 20/7/2011 sửa đổi Điều 1 Thông tư số 40/2011/TT-BTC ngày 22/3/2011.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa được hướng dẫn tại Thông tư này, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời cho Bộ Tài chính để hướng dẫn, phối hợp giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- VPTW Đảng và các Ban của Đảng;
- VP Chủ tịch nước;
- VP Quốc hội;
- VPCP;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cơ quan TW các tổ chức, đoàn thể;
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, TP;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- VP Ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



## BÁO CÁO SAO KÊ RÚT VỐN VAY NƯỚC NGOÀI

Đơn rút vốn	Ngày rút vốn	Số tiền thực rút			Quy đổi VND			Cơ quan KSC	Ghi chú
		XDCB	HCSN	CVL	XDCB	HCSN	CVL		
<b>Tổng số</b>									

**Người lập**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày...tháng...năm...  
**Chủ dự án**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

## BÁO CÁO KẾT THÚC RÚT VỐN ODA

Đơn rút vốn	Năm ...	Số tiền thực rút			Quy đổi VND			Cơ quan KSC	Ghi chú
		XDCB	HCSN	CVL	XDCB	HCSN	CVL		
	201...								
<b>Tổng</b>	...								
	201...								
<b>Tổng</b>	...								
<b>Tổng cả dự án</b>									

**Người lập**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày...tháng...năm...  
**Chủ dự án**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)